

# ĐÁNH GIÁ GIÁO TRÌNH LE NOUVEAU TAXI 1 DÀNH CHO KHỐI NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN

Trần Thị Kim Trâm<sup>1\*</sup>, Trần Thị Bích Ngọc<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, <sup>2</sup>Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

Ngày nhận bài: 13/12/2016; ngày hoàn thiện: 7/1/2017; ngày duyệt đăng: 15/3/2017

## Tóm tắt

Giáo trình/Sách là một tài liệu không thể thiếu trong quá trình dạy/học nói chung và dạy/học ngoại ngữ nói riêng. Tuy nhiên “*Không một sách giáo khoa nào thiết kế cho một thị trường chung lại hoàn toàn lý tưởng cho một nhóm người học cụ thể nào đó*” (Cunningsworth, 1995). Vì vậy, việc đánh giá giáo trình là thật sự cần thiết để có những điều chỉnh hợp lý hoặc thay đổi sách kịp thời. Từ hơn hai năm nay, giáo trình *Le Nouveau Taxi 1* được sử dụng để giảng dạy ngoại ngữ không chuyên (NNKC). Theo kết quả điều tra ban đầu của chúng tôi, sách này tồn tại một vài bất cập: một số chủ đề chưa thật sự phù hợp, một số hoạt động khác như nghe, nói,... được thiết kế chưa thuận lợi cho việc dạy và học. Vì vậy, giảng viên (GV) và sinh viên (SV) đã gặp khó khăn khi sử dụng giáo trình này. Bài viết giới thiệu kết quả đánh giá giáo trình *Le Nouveau Taxi 1* dành cho SV học NNKC các cấp độ A1, A2 và B1 tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Qua thực hiện điều tra 10 GV và 80 SV năm thứ hai, dựa trên các tiêu chí đánh giá của tác giả Cunningsworth (1995), bài viết phân tích và đúc kết những điểm mạnh và những điểm yếu của *Le Nouveau Taxi 1*. Từ đó, tác giả sẽ đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả dạy/học NNKC.

**Từ khóa:** đánh giá, điều chỉnh, sách/giáo trình, ngoại ngữ không chuyên

## 1. Mở đầu

Sách giáo khoa (SGK) là một trong những yếu tố thực sự cần thiết đối với việc dạy/học nói chung và dạy/học ngoại ngữ nói riêng. Vai trò quan trọng của SGK đã được đề cập nhiều trong các công trình nghiên cứu của O’Neil (1982, tr. 108), Hutchinson & Torres (1994, tr. 315) và Penny Ur (1996). Tuy nhiên, Allwright (1982) lại cho rằng SGK không linh hoạt, thường phản ánh những khuynh hướng sư phạm, tâm lý và ngôn ngữ của các tác giả. Vì vậy, SGK về cơ bản quyết định các phương pháp, quá trình dạy/học ngôn ngữ và “*có thể làm giảm vai trò của người dạy*” (Richards, 2001, tr. 13) nếu SGK và sách hướng dẫn được sử dụng như là nguồn dạy chính. Hơn nữa, SGK thường được viết cho các thị trường trên toàn cầu, do đó sách thường không phản ánh các mối quan tâm và nhu cầu của một nhóm người học cụ thể (Richards, 2001). Vì vậy, việc điều chỉnh sách cho phù hợp với một đối tượng học cụ thể là cần thiết.

\* Email: trantktram@gmail.com

## 2. Điều chỉnh sách và các kỹ thuật điều chỉnh

McDonough và Shaw (1993) cho rằng việc điều chỉnh là một hoạt động thực hành chủ yếu của người dạy nhằm làm phù hợp việc dạy với người học. Điều chỉnh cơ bản là một quá trình kết hợp các yếu tố bên ngoài (đặc điểm người học, môi trường, nguồn lực và quy mô lớp học) và các yếu tố bên trong (sự lựa chọn chủ đề, kỹ năng bao gồm mức độ thành thạo và phân loại các bài tập...). Mục đích điều chỉnh là tối đa hóa sự phù hợp của tài liệu giảng dạy trong một bối cảnh giảng dạy cụ thể. Điều chỉnh một tài liệu dạy học có thể xem như là một công việc sửa đổi nội dung cho dù nội dung đó được trình bày dưới dạng bài tập, bài khoá, hoạt động, hướng dẫn, kiểm tra... Sau đây là một số kỹ thuật điều chỉnh sách thường được sử dụng:

- **Thay đổi nội dung:** Nội dung có thể cần được thay đổi bởi vì nó không phù hợp với người học, có lẽ do những nhân tố liên quan đến tuổi, giới tính, tầng lớp xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo và nền tảng văn hoá của người học.

- **Thêm hoặc bớt nội dung:** Sách có thể có quá nhiều hoặc quá ít nội dung so với chương trình. Có thể một vài đơn vị bài học hoặc vài phần của các bài học phải được bỏ. Ví dụ như một khoá học có thể chú trọng đến các kỹ năng nghe và nói, do đó một số bài tập viết trong sách sẽ được giảm bớt.

- **Tổ chức lại nội dung:** GV có thể quyết định tổ chức lại đề cương của sách và bố trí lại các đơn vị bài học sao cho có thứ tự phù hợp hơn, thậm chí sắp xếp lại các hoạt động trong một đơn vị bài học vì một lý do cụ thể nào đó.

- **Bỏ một số nội dung:** Có thể bỏ những mục không quan trọng (bỏ bớt một vài bài tập hoặc hoạt động quá dễ hoặc quá khó đối với người học).

- **Thay đổi các hoạt động:** Các bài tập và các hoạt động có thể cần được thay đổi để bổ sung thêm hoạt động. Ví dụ như một hoạt động nghe chỉ chú trọng đến nghe lấy thông tin thì cần điều chỉnh để SV có thể nghe lần thứ hai hoặc lần thứ ba với mục đích khác.

- **Mở rộng hoạt động:** Những bài tập không đủ phần luyện tập thì cần thêm các hoạt động luyện tập vào.

Có thể kết luận rằng khả năng có thể điều chỉnh SGK theo những cách này là một kỹ năng cần thiết cho người dạy nhằm nâng cao hiệu quả dạy/học. Thường thì quá trình này diễn ra từ từ khi người dạy trở nên quen thuộc với sách đó do chỉ khi thực hiện dạy trong lớp người dạy mới có thể thấy rõ phần nào cần điều chỉnh.

## 3. Đánh giá và các tiêu chí đánh giá

### 3.1. Đánh giá và các hình thức đánh giá

**3.1.1. Định nghĩa:** “Đánh giá đơn giản là quá trình quy các giá trị đối với mục đích, hành động, quyết định, thực hiện, các quá trình, con người, sự vật – hầu như tất cả mọi việc” (Davis, 1980). Mục đích chính của việc đánh giá là làm cho cái có sẵn trở thành thông tin tốt nhất (chính xác nhất, hữu ích nhất) nhằm nâng cao hiểu biết và quyết định thực hiện. Đánh giá được xem như là quá trình phác họa, đạt được và cung cấp thông tin hữu ích trong việc quyết định và nhận xét.

### 3.1.2. Các hình thức đánh giá sách giáo khoa

Theo Cunningsworth (1995) và Ellis (1997, trích trong David, 2001) có ba hình thức đánh giá tài liệu:

- **Đánh giá trước khi sử dụng** (pre-use evaluation) là hình thức phổ biến nhất. Đó là hình thức đánh giá ‘*dự đoán*’ hay còn gọi là ‘*trước khi sử dụng*’ nghĩa là thiết kế để đánh giá tương lai hoặc khả năng thực hiện của một SGK. Và đây là hình thức có lẽ là khó nhất bởi vì người đánh giá chưa có kinh nghiệm thực tiễn về việc sử dụng SGK đó.

- **Đánh giá khi đang sử dụng** (in-use evaluation) được dùng để đánh giá tài liệu đang được sử dụng. Hình thức này là hình thức đánh giá sự phù hợp, liên quan đến “*gắn kết SGK với yêu cầu cụ thể bao gồm mục tiêu của người học, nền tảng của người học, các nguồn có sẵn...*”.

- **Đánh giá sau khi sử dụng** (post-use evaluation) một SGK đã được sử dụng ở bất cứ trường học nào. Đánh giá sau khi sử dụng liên quan đến việc đánh giá sự phù hợp của SGK qua một thời gian liên tiếp sử dụng. Hình thức đánh giá này thiết thực giúp quyết định xem có sử dụng SGK đó trong tương lai không.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả chọn hình thức *đánh giá khi đang sử dụng* xem thử sách *Le Nouveau Taxi 1* có phù hợp với nhu cầu của người học, với mục tiêu đào tạo để từ đó điều chỉnh tài liệu nhằm nâng cao chất lượng dạy/học tiếng Pháp NNKC/NN2 tại trường Đại học Ngoại ngữ trong những khoá học tiếp theo.

### 3.2. Danh mục đánh giá của Cunningsworth

Các nhà lý luận xuất sắc trong lĩnh vực biên soạn và phân tích SGK dạy tiếng Anh như Williams (1983), Sheldon (1988), Brown (1995), Cunningsworth (1995) và Hammer (1996) đều đồng ý rằng bảng đánh giá SGK nên có một vài tiêu chí liên quan *các đặc điểm của một SGK của một khoá học như cách trình bày, các đặc điểm tổ chức và tính lô-gic của sách*. Những tiêu chí khác là *những tiêu chí đánh giá phương pháp của SGK, mục đích, các phương pháp và mức độ mà bộ sách có thể dạy được*. Hơn nữa, các tiêu chí nên *phân tích ngôn ngữ, chức năng và nội dung các kỹ năng cụ thể*. Việc đánh giá SGK nên bao gồm các tiêu chí liên quan đến *các yếu tố văn hoá thêm vào mức độ mà các mục ngôn ngữ, chủ đề, nội dung và đề tài phù hợp với tính cách, nền văn hoá, nhu cầu và mối quan tâm của SV cũng như là của GV*.

Cunningsworth (1995) cũng đã đưa ra danh mục đánh giá và lựa chọn (dưới đây) gồm 7 mục. Mỗi mục gồm nhiều tiểu mục chi tiết soạn thảo dưới dạng câu hỏi.

- A. Về mặt thực tế (Practical Considerations)
- B. Cách bố trí và thiết kế (Layout and Design)
- C. Các hoạt động (Activities)
- D. Các kỹ năng (Skills)
- E. Loại ngôn ngữ (Language Type)
- F. Chủ đề và Nội dung (Subject and Content)

### G. Sự đồng thuận tổng thể (Overall Consensus)

## 4. Điều tra và kết quả điều tra

### 4.1. Sơ lược về chương trình tiếng Pháp A1, A2 và B1

Lộ trình dạy/học tiếng Pháp NNKC thực hiện từ năm học 2016-2017 như sau:

- **Cấp độ A1** (2 tín chỉ): Từ bài 0 đến bài 12 của sách *Le Nouveau Taxi 1*.
- **Cấp độ A2** (2 tín chỉ): từ bài 13 đến bài 24 của sách *Le Nouveau Taxi 1*.
- **Cấp độ B1** (3 tín chỉ): từ bài 25 đến bài 36 của sách *Le Nouveau Taxi 2* và từ bài 1 đến bài 8 của sách *Le Nouveau Taxi 2*.

Sau khi học xong từng cấp độ, SV được đánh giá trên 4 kỹ năng theo tỉ lệ 20% Nghe, 20% Nói, 30% Đọc và 30% Viết. Như vậy, việc đánh giá các kỹ năng này đã có độ lệch và sẽ chi phối đến các hoạt động dạy/học ngoại ngữ (Trần Thị Kim Trâm, 2016).

### 4.2. Kết quả điều tra

#### 4.2.1. Giới thiệu điều tra

Điều tra thông qua bản câu hỏi dành cho 10 GV đã và đang tham gia giảng dạy NNKC và 80 SV đang học cấp độ B1 tiếng Pháp NNKC về bộ sách *Le Nouveau Taxi 1*. Phiếu điều tra gồm 40 câu hỏi đối với GV và 24 câu hỏi đối với SV. Phần thứ hai của phiếu điều tra hỏi về một số thông tin của người được phỏng vấn và về những khó khăn, thuận lợi khi sử dụng sách cũng như những đề xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy/học tiếng Pháp. Điều tra kết hợp phỏng vấn 10 GV và 10 SV nhằm bổ sung thêm thông tin cho phiếu điều tra và làm rõ các thông tin thu thập được.

#### 4.2.2. Những kết quả nghiên cứu chính

Điều tra đã nhận được những phản hồi rất tích cực từ phía GV và khá tích cực từ phía SV về bộ sách *Le Nouveau Taxi 1 (LNT1)*. Cụ thể như sau:

**A. Về mặt thực tế**, *LNT 1* là một giáo trình khá mới (70% GV), sách học có kèm theo sách hướng dẫn cho GV, sách bài tập và 2 đĩa CD (100% GV). Tuy nhiên hiện nay 96% SV và 40% GV sử dụng sách sao chép chủ yếu là do giá sách gốc đắt (1 sách bài tập có giá 280.000 đồng và 1 sách học có giá 420.000 đồng). Sách sao chép kéo theo hình ảnh minh họa và những nội dung (có màu trong sách gốc) phần lớn không rõ, khó nhìn, không khai thác được (65% SV, 90% GV).

**B. Cách bố trí và thiết kế**: Đa số GV (88.75%) và nhiều SV (62%) cho rằng bài học được thiết kế rõ ràng, hợp lý, đi từ đơn giản đến phức tạp: Từ *Biết* (Savoir) đến *Biết làm* (Savoir-faire). Từ *Khám phá* (Découvrez), *Luyện tập* (Entraînez-vous) đến *Giao tiếp* (Communiquez) là phần tổng hợp các kiến thức đã được học trong một đơn vị bài học và kết thúc là phần *Phát âm* (Prononcez). Cuối sách còn có phần tra cứu rất thuận tiện cho người học như: *Phần từ vựng* (Vocabulaire thématique) theo chủ đề cho từng *Mục* (Unité), *Phần bài nghe* (Transcriptions), *Phần tóm tắt văn phạm* (Mémento grammatical), *Bảng chia động từ* (Tableaux de conjugaison), *Phần từ vựng đa ngôn ngữ* (Lexique multilingue) gồm

các thứ tiếng Pháp, Anh, Tây-Ban-Nha... Ngoài ra sách có đầy đủ các mục ôn tập và bài tập và các câu hỏi kiểm tra hoặc gợi ý kiểm tra.

Mặc dù cách bố trí và thiết kế của sách khá phù hợp và thuận tiện cho người sử dụng, nhưng thời lượng chương trình dành cho các cấp độ (A1, A2, B1) hạn chế đã kéo theo việc cắt xén không hợp lý (bỏ bớt bài học thứ tư của từng Mục, là phần vận dụng những kiến thức, kỹ năng tích lũy được của 3 bài trước đó trong những hoạt động/bài tập cụ thể) để có thể hoàn thành khối lượng kiến thức yêu cầu. Điều này lý giải phần nào kết quả đồng ý của SV về tiêu mục SGK được tổ chức hiệu quả chỉ chiếm 41%, trái lại với 100% GV đồng thuận. Bảng 1 trình bày kết quả chi tiết của từng tiêu mục:

Bảng 1. Tổng hợp tỉ lệ phần trăm ý kiến của GV và SV về cách bố trí và thiết kế của LNT1

<b>B. Cách bố trí và thiết kế (Layout and Design)</b>						
	Không đồng ý		Không có ý kiến		Đồng ý	
	GV	SV*	GV	SV	GV	SV
6 SGK có bảng hướng dẫn chi tiết về chức năng, cấu trúc, từ vựng, các kỹ năng mà sẽ được dạy trong mỗi đơn vị bài học.	0	-	0	-	100	-
7 Bố trí, thiết kế thích hợp và rõ ràng	0	23	0	15	100	62
8 SGK được tổ chức hiệu quả	0	19	10	40	90	41
9 Có đủ danh mục từ vựng, thuật ngữ	10	-	0	-	90	-
10 Có đầy đủ các mục ôn tập, bài tập.	20	-	0	-	80	-
11 SGK có đầy đủ các câu hỏi kiểm tra hoặc gợi ý kiểm tra.	30	-	0	-	70	-
12 Sách của GV có phần hướng dẫn cách sử dụng SGK là tối ưu nhất.	20	-	0	-	80	-
13 Mục tiêu của các tài liệu rõ ràng đối với GV và SV.	0	-	0	-	100	-
<i>Tỉ lệ phần trăm trung bình</i>	10	21	1.25	27.5	88.75	51.5

\* Ghi chú: Ở cột SV trong các Bảng 1, 2 và 4, dấu (-) nghĩa là không có số liệu do không điều tra SV về những nội dung này.

**C. Các hoạt động:** Số GV đồng ý dao động từ 70 – 100% (xem bảng 2 dưới đây), trong khi tỉ lệ phần trăm của SV là từ 56 – 66. Cụ thể: Các hoạt động của SGK có thể được sửa đổi, bổ sung một cách dễ dàng (100% GV); Các hoạt động đa dạng, kết hợp làm việc cá nhân, làm cặp và làm nhóm, Các điểm ngữ pháp và mục từ vựng được giới thiệu trong những ngữ cảnh thực tế và động viên người học (90% GV, 66% SV); Các hoạt động khuyến khích thực hành đầy đủ giao tiếp và có ý nghĩa, và giúp SV sử dụng những ngôn ngữ

vừa được giới thiệu (80% GV); SGK cung cấp cân bằng giữa các hoạt động (70% GV, 56% SV).

Tuy nhiên tiêu mục *Các hoạt động thúc đẩy các phản ứng sáng tạo, độc đáo và độc lập* đã nhận được những ý kiến trái chiều từ GV và SV: 80% GV đồng ý nhưng số SV đồng ý chỉ chiếm 37.5%. Kết quả tương phản này có thể được lý giải tương tự như mục B (ở trên): thời lượng hạn chế đã kéo theo những cách đối phó không hợp lý và buộc GV giảm bớt một số hoạt động thúc đẩy sự sáng tạo, độc lập của người học.

Bảng 2. Tổng hợp tỉ lệ phần trăm ý kiến của GV và SV về các hoạt động của LNT1

C. Các hoạt động (Activities)							
		Không đồng ý		Không có ý kiến		Đồng ý	
		GV	SV	GV	SV	GV	SV
14	SGK cung cấp cân bằng giữa các hoạt động (Có sự phân phối giữa các bài tập tự do và có kiểm soát và tập trung vào cả trình bày lưu loát và chính xác,...).	20	7.5	10	36	<b>70</b>	<b>56.5</b>
15	Các hoạt động khuyến khích thực hành đầy đủ giao tiếp và có ý nghĩa.	20	19	0	25	<b>80</b>	<b>56</b>
16	Các hoạt động kết hợp làm việc cá nhân, làm cặp và làm nhóm.	10	7.5	0	27.5	<b>90</b>	<b>65</b>
17	Các điểm ngữ pháp và mục từ vựng được giới thiệu trong những ngữ cảnh thực tế và động viên người học.	10	15	0	19	<b>90</b>	<b>66</b>
18	Các hoạt động thúc đẩy các phản ứng sáng tạo, độc đáo và độc lập.	10	15	10	47.5	<b>80</b>	<b>37.5</b>
19	Các bài tập giúp SV sử dụng những ngôn ngữ vừa được giới thiệu.	0	-	0	-	<b>100</b>	<b>-</b>
20	Các hoạt động của SGK có thể được sửa đổi, bổ sung dễ dàng.	0	-	0	-	<b>100</b>	<b>-</b>
	<i>Tỉ lệ phần trăm trung bình</i>	10	12.8	2.9	31	<b>87.1</b>	<b>56.2</b>

**D. Các kỹ năng:** Đa số GV (80%) và nhiều SV (64%) cho rằng các kỹ năng cần thực hành có đầy đủ trong các đơn vị bài học. Nhưng có hơn 2/3 số GV cho rằng các bài học chưa được phân phối cân bằng và phù hợp giữa bốn kỹ năng và có đến một nửa GV nhận thấy SGK chưa quan tâm đến các kỹ năng phụ (xem bảng 3 dưới đây). Thật vậy, nhiều GV (70%) được hỏi cho rằng “*các hoạt động Đọc và Viết còn mỏng trong khi hai kỹ năng này chiếm tỉ lệ đánh giá cao hơn kỹ năng Nghe và Nói*”. Tuy nhiên 2 tiêu mục 22 và 23 lại nhận

được sự đồng thuận của gần một nửa SV được hỏi. Điều này phản ánh phần nào thực tế đã có sự điều chỉnh của một số GV trong quá trình giảng dạy.

Bảng 3. Tổng hợp tỉ lệ phần trăm ý kiến của GV và SV về các kỹ năng của LNT1

D. Các kỹ năng (Skills)							
		Không đồng ý		Không có ý kiến		Đồng ý	
		GV	SV	GV	SV	GV	SV
21	Mỗi bài học có đủ và tập trung vào bốn kỹ năng mà SV tôi cần thực hành.	20	7.5	0	28.5	<b>80</b>	<b>64</b>
22	Các bài học phân phối cân bằng và phù hợp giữa bốn kỹ năng.	70	18.5	20	32.5	<b>10</b>	<b>49</b>
23	SGK quan tâm đến các kỹ năng phụ (nghe ý chính, ghi chép, đọc lướt thông tin..)	50	7.5	20	45	<b>30</b>	<b>47.5</b>
	<i>Tỉ lệ phần trăm trung bình</i>	46.7	11.1	13.3	35.3	<b>40</b>	<b>53.5</b>

**E. Loại ngôn ngữ:** Đa số GV (85%) đồng ý mục này. Số SV chia sẻ mục này chiếm tỉ lệ thấp hơn. Cụ thể: *Ngôn ngữ sử dụng trong SGK ở mức độ phù hợp với khả năng của tôi* (50% SV). *Các điểm ngữ pháp, mục từ vựng được trình bày từ đơn giản đến phức tạp hơn* (72% SV); *Các điểm ngữ pháp được trình bày với các ví dụ và giải thích ngắn gọn, dễ hiểu, Tôi có thể sử dụng sau này các chức năng ngôn ngữ minh họa bằng ví dụ* (67% SV).

**F. Chủ đề và nội dung:** Rất nhiều GV (80%) và SV (65%) cho rằng chủ đề và nội dung khá thực tế, đầy đủ và đa dạng, cũng như *Các bài học không có thiên kiến về một nền văn hóa nào và chúng không mô tả bất kỳ định kiến tiêu cực nào*. GV và SV cũng chia sẻ ý kiến về *Các chủ đề và nội dung các bài học thú vị, thách thức và động viên người học* với những tỉ lệ chênh lệch khá lớn (80% GV, 55% SV). Đây là tiêu mục mà GV cần lưu ý để có những điều chỉnh phù hợp hơn.

Về tiêu mục *Các chủ đề và nội dung liên quan đến nhu cầu của người học tiếng Pháp* nhận được những ý kiến khá trái chiều: Chỉ có 40% GV đồng ý và có đến 50% GV không bày tỏ quan điểm, trong khi đó số phần trăm của SV đồng ý lên đến gần 64%. Điều này phản ánh phần nào sự thiếu hiểu biết của người dạy về nhu cầu của người học.

**G. Sự đồng thuận tổng thể:** 100% GV được hỏi đồng ý rằng bộ sách phù hợp với mục tiêu học ngôn ngữ của trường Đại học Ngoại ngữ, phù hợp với trình độ ngôn ngữ của SV và sẽ chọn tiếp tục dạy sách này. Và số SV chọn học sách này lần nữa chiếm hơn 56%. Tuy nhiên, chỉ có 30% GV đồng ý tiêu mục *“Sách này làm tăng mối quan tâm học tiếng Pháp hơn nữa của SV tôi”*. Trái lại, tiêu mục này đã nhận được phản ứng khá tích cực của

54% SV. Kết quả này phản ánh phần nào những điểm mạnh của *Le Nouveau Taxi 1* dưới góc nhìn của SV. Bảng 4 tổng hợp chi tiết các ý kiến của GV và SV về mục G.

Bảng 4. Tổng hợp tỉ lệ phần trăm ý kiến của GV và SV về sự đồng thuận tổng thể của LNT1

<b>G. Sự đồng thuận tổng thể (Overall Consensus) (%)</b>							
		<b>Không đồng ý</b>		<b>Không có ý kiến</b>		<b>Đồng ý</b>	
		<b>GV</b>	<b>SV</b>	<b>GV</b>	<b>SV</b>	<b>GV</b>	<b>SV</b>
37	SGK này phù hợp với mục tiêu học ngôn ngữ ở trường tôi.	0	-	0	-	100	-
38	SGK phù hợp với các lớp đông, trình độ ngôn ngữ không đồng đều.	0	-	0	-	100	-
39	Sách này làm tăng mối quan tâm học tiếng Pháp hơn nữa của SV tôi.	0	17	70	29	30	54
40	Tôi sẽ chọn tiếp tục dạy/học sách này.	0	19	0	25	100	56
	<i>Tỉ lệ phần trăm trung bình</i>	0	18	17.5	27	82.5	55

Tóm lại giáo trình LNT 1 nhận được sự đánh giá rất cao của đa số GV về hầu hết các tiêu mục trong danh mục của Cunningsworth (1995). Nhưng sự đồng thuận của SV lại chiếm tỉ lệ thấp hơn. Vậy lý giải thế nào về sự cách biệt này? Theo chúng tôi, sự cách biệt này một mặt phản ánh được hai góc nhìn khác nhau của 2 nhóm người khác nhau: nhóm người dạy có kiến thức về ngôn ngữ và phương pháp sư phạm, nhóm người học còn tập tễnh trong lĩnh hội ngôn ngữ Pháp, mặt khác có thể phản ánh được phần nào những bất cập tồn tại trong dạy/học tiếng Pháp NNKC: lộ trình dạy/học NNKC chưa phù hợp, thời lượng hạn chế, cắt xén nội dung chưa hợp lý, SV chưa có ý thức cao về NNKC, nhất là về vấn đề tự học (đây là vấn đề được chú trọng trong loại hình đào tạo tín chỉ). Chính vì những nguyên nhân này đã làm cho việc dạy/học không đạt hiệu quả cao. Kết quả này cũng phù hợp với những thông tin thu thập được từ việc phỏng vấn sâu GV và SV:

- Đa số GV và SV cho rằng chương trình dạy/học còn quá tải, cần giảm tải chương trình hoặc tăng thời lượng học tại lớp.

- Đa số SV (97%) và nhiều GV (60%) cho rằng phần nghe khó do nhiều nguyên nhân: SV ít luyện nghe, tốc độ nói nhanh, có một số hiện tượng đặc biệt như nối âm, luyện âm trong ngôn ngữ Pháp, các dạng câu hỏi của một số bài tập nghe được biên soạn chưa phù hợp với đối tượng SV NNKC và chưa thuận tiện cho việc sử dụng (có nhiều câu hỏi mở).



- Theo nhiều SV (59%) lượng từ vựng mới nhiều, khó, không có dạng nguyên mẫu của động từ trong các bài khóa: “từ vựng nhiều và khó nếu không có GV hướng dẫn thì không học được; một số từ vựng mới không có nghĩa ở cuối sách, khó nhớ từ vựng”.
- Phần ngữ pháp nhiều và trình bày quá vắn tắt, ít ví dụ minh họa (67% SV). Kết quả: SV yếu ngữ pháp, không bắt kịp bài.
- Đa số SV (78%) còn khó khăn trong việc phát âm và diễn đạt nói.

## 5. Một số đề xuất

Từ những hạn chế nêu trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

### 5.1. Đối với giảng viên

- Cần giới thiệu rõ cấu trúc của sách và cách tiếp cận sách cho SV nhất là vào buổi học đầu tiên để việc tự học và tra cứu dễ dàng hơn.
- Với thời lượng tín chỉ hạn chế cho từng cấp độ, GV nên chọn lọc, điều chỉnh lại (xem mục 1 ở trên) một số hoạt động/bài tập (nghe, nói, đọc,...) với một tỉ lệ hợp lý hơn, cũng như phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp với những đặc thù của khối NNKC, đặc biệt là khối NN2. Ví dụ:
  - + Chú trọng việc luyện phát âm cho SV nhất là trong 2 học kỳ đầu;
  - + Cần hệ thống lại kiến thức ngữ pháp cho SV. Ví dụ: người học được tiếp xúc lần lượt các ngôi, sau đó, cần được người dạy hệ thống lại;
  - + Điều chỉnh một số hoạt động/bài tập nghe (thiết kế lại câu hỏi dưới dạng Đúng-Sai và dạng câu trắc nghiệm ABC hoặc ABCD.), một số chủ đề nói, viết cho phù hợp với nhu cầu, thực tế và trình độ của SV;
  - + Cần có những hoạt động/bài tập giúp SV lĩnh hội từ kiến thức mới (từ vựng, văn phạm...) nhanh hơn và hiệu quả hơn;
- Về giáo trình, GV có thể tải miễn phí sách LNT 1 (dạng PDF) trên mạng để bù vào khiếm khuyết của sách sao chép.

### 5.2. Đối với sinh viên

- Cần xây dựng cho mình mục tiêu và động cơ học tiếng Pháp một cách rõ ràng để từ đó có thể lập ra kế hoạch học tập phù hợp với bản thân trong quỹ thời gian hạn chế.
- Cần có thái độ học tiếng Pháp tích cực hơn và tham gia nhiệt tình vào các hoạt động trong lớp học. Đi học chuyên cần, học bài và làm đầy đủ các bài tập mà GV yêu cầu.
- Dành thời gian nhiều hơn để làm bài tập ở nhà, ôn bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp để có thể hiểu bài một cách dễ dàng hơn tại lớp. Cần nghe và luyện phát âm thêm tại nhà.

- Để có thể đáp ứng được chương trình học, SV cần luyện tập trau dồi khá đều 4 kỹ năng bởi kỹ năng nào cũng quan trọng và là phương tiện để lĩnh hội, củng cố và nâng cao những kỹ năng còn lại.

### 5.3. Đối với trường và Phòng Đào tạo

Để việc dạy/học diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn, Trường, Phòng Đào tạo cần xem xét lại lộ trình học tiếng Pháp NNKC nhất là NN2 cũng như việc bố trí thời gian học phù hợp hơn.

## 6. Kết luận

Kết quả đánh giá tích cực cho thấy LNT 1 là một giáo trình phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường và khối tiếng Pháp NNKC/NN2. Với nhiều ưu điểm về mặt thực tế, cách bố trí, thiết kế, nội dung và chủ đề cũng như các hoạt động, kỹ năng đa dạng, người học có thể phát triển khá đều 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết. Tuy nhiên, thực tế dạy/học cho thấy người dạy cũng như người học đã gặp một số khó khăn nhất định (nghe, nói,...). Chúng tôi cho rằng việc dạy/học tiếng Pháp sẽ hiệu quả hơn nếu có được sự phối hợp tích cực và sự đầu tư nhiều hơn nữa từ phía người dạy (trong việc điều chỉnh một số nội dung của LNT 1) cũng như người học (trong việc tự học). Bên cạnh đó sự hỗ trợ của nhà trường và phòng đào tạo là hết sức cần thiết, đặc biệt là việc xem xét và phê duyệt đề xuất lộ trình học tiếng Pháp NNKC/NN2.

### Tài liệu tham khảo

- Allwright, R. (1982). What do we want teaching materials for? *ELT Journal*, 36(1).
- Brown, J. (1995). *The elements of language curriculum*. Boston: Heinle and Heinle Publishers.
- Capelle, G., Menand R. (2009). *Le Nouveau Taxi 1*. Paris: Hachette Livre.
- Cunningsworth, A. (1995). *Choosing your coursebook*. Oxford: Heinemann.
- Hutchinson, T., & Torres, E. (1994). The textbook as agent of change. *ELT Journal*, 48(4)
- Hutchinson, T. and Waters, A. (1987). *English for specific purposes: A learning centred approach*. Cambridge. Cambridge University Press.
- O'Neill, R. (1982). Why use textbooks?. *ELT Journal*, 36(2).
- Prodromou, L. (1988). English as cultural action. *ELT Journal*, 42(2).
- Richards, J., C. (2010). The role of textbooks in a language program. Retrieved on December 25th, 2010 from <http://www.professorjackrichards.com/pdfs/role-of-textbooks.pdf>
- Ur, P. (1996). *A course in language teaching: Practice and theory*. Cambridge: Cambridge University Press.

## AN EVALUATION OF THE COURSEBOOK LE NOUVEAU TAXI 1 FOR NON-FRENCH MAJOR CLASSES

**Abstract.** Textbook/Coursebook evaluation is really necessary to have reasonable adjustments or changes to the coursebook because “No course book designed for a general market will be absolutely ideal for a particular group of learners” (Cunningsworth, 1995). The article presents the results of the evaluation of the coursebook *Le Nouveau Taxi 1* for students studying foreign languages at levels A1, A2 and B1 at University of Foreign Languages, Hue University through an investigation with the participation of 10 lecturers and 80 second-year students. Based on the evaluation questionnaires as suggested by Cunningsworth (1995), the article has analyzed and summarized the strengths and weaknesses of the *Le Nouveau Taxi 1*. Some suggestions have been made in an attempt to improve the effectiveness of foreign language teaching and learning.

**Keywords:** evaluation, adjustments, coursebooks, foreign languages